

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2022/HNGĐ-ST**

Ngày 28/4/2022

*“Về việc tranh chấp hôn nhân gia đình giữa
Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn V”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH TUYÊN QUANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thanh Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bàn Đức Hiếu.
2. Bà Đàm Thị Kim Duyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Vũ Phương Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện H mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 219/2021/TLST-HNGĐ, ngày 29 tháng 11 năm 2021 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22 tháng 02 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1996
Địa chỉ: Thôn Loa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

** Bị đơn:* Anh Hoàng Văn V; sinh năm 1994.
Địa chỉ: Thôn Loa, xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

(Các đương sự đều vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai chị Hoàng Thị V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn V có quan hệ hôn nhân hợp pháp, chị và anh V kết hôn hoàn toàn tự nguyện, khi kết hôn có tổ chức lễ cưới theo phong tục và đăng ký kết hôn đúng quy định tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang ngày 04/01/2018. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình anh V tại xã T, huyện H. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2020 thì phát sinh mâu

thuần do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng nhưng không tìm được tiếng nói chung để hòa giải mâu thuẫn. Từ tháng 10 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, chị đi làm ăn xa, để con ở nhà cho anh V và ông bà nội, anh V cũng đi làm công nhân, con gửi ông bà nội nuôi. Đến nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng không thể hàn gắn, vợ chồng không thể quay lại chung sống. Nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Về con chung: Chị Hoàng Thị V xác định chị và anh Hoàng Văn V có 01 con chung, cháu Hoàng Ngọc Bảo C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018. Hiện nay con chung của chị và anh V đang do anh V nuôi dưỡng, cháu có cuộc sống ổn định, được đi học, ở cùng ông bà nội. Trong đơn ly hôn chị có đề nghị được là người trực tiếp nuôi cháu Hoàng Ngọc Bảo C. Tuy nhiên, sau này chị tự xác định chưa có điều kiện để trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bảo C vì chị đang phải nuôi con riêng của chị là cháu Hoàng Nhật K, sinh ngày 30 tháng 5 năm 2015. Để ổn định cuộc sống cho con, chị đề nghị khi ly hôn anh Hoàng Văn V là người nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Hoàng Ngọc Bảo C, là con chung của chị với anh V. Do điều kiện còn khó khăn nên chị không cấp dưỡng nuôi con chung của chị và anh V là cháu Bảo C.

Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị V xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không có vay nợ chung, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hoàng Văn V đến để giải quyết vụ án; văn bản tố tụng Tòa án gửi theo đường bưu điện và niêm yết theo quy định nhưng anh V không đến Tòa án để làm việc. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang tiến hành xác minh tại nơi cư trú cũng là nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh V. Kết quả xác minh thể hiện, anh V có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Loa, xã T, huyện H; ông Hoàng Đức Q, bố đẻ của anh V cung cấp thông tin, anh V hiện đang đi làm công nhân ở xa nhưng vẫn liên lạc với gia đình; khi nhận được Thông báo thụ lý của Tòa án ông Quang có chụp ảnh và gửi qua mạng Zalo cho anh V, anh V nói do dịch Covid-19 không về được, xác định vợ chồng không thể quay lại chung sống và có nguyện vọng được nuôi con. Tòa án gửi các văn bản tố tụng ông Quang đều có thông báo cho anh V biết nội dung. Do vậy, việc anh V không đến Tòa án để làm việc thể hiện ý thức chủ quan của anh V là không chấp hành các quy định của pháp luật.

Kết quả xác minh cũng thể hiện về các mối quan hệ của chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn V như sau: Chị Viên và anh V có quan hệ vợ chồng hợp pháp, khi kết hôn có tổ chức cưới hỏi và có đăng ký kết hôn đúng quy định. Việc vợ chồng chị Viên anh V mâu thuẫn với nhau cụ thể như thế nào thì địa phương không nắm được; gia đình chỉ nghe chị Viên anh V nói lại. Chị Viên anh V đi làm ăn thỉnh thoảng có về thăm con, anh V vẫn ở cùng với gia đình ông Quang, con chung của anh V chị

Viên, cháu Hoàng Ngọc Bảo C từ trước đến giờ vẫn ở với vợ chồng ông Quang, vợ chồng ông Quang chăm sóc để anh V chị Viên đi làm ăn; chị Viên giờ cũng không sống cùng nhà ông Quang mà chỉ có bố con anh V; chị Viên có con riêng phải nuôi dưỡng trước khi kết hôn với anh V. Về tài sản chung của chị Viên và anh V địa phương không nắm được, tại địa phương không có nhà ở, đất đai chung của vợ chồng. Vay nợ chung của chị Viên với anh V địa phương không biết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Tuyên Quang phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định. Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn V. Giao cháu Hoàng Ngọc Bảo C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018 cho anh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị Viên không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh V chưa yêu cầu và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Chị Viên xác nhận vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; chị Viên không yêu cầu Tòa án giải quyết về phân tài sản, vay nợ chung nên đề nghị không xem xét giải quyết; chị Hoàng Thị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Hoàng Văn V không phải nộp án phí; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, Biên bản lấy lời khai của chị Hoàng Thị V và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn V tự nguyện kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang năm 2018. Cuộc sống chung vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2020 đến tháng 10 năm 2021 vợ chồng sống ly thân, cuộc sống chung không hạnh phúc, vợ chồng không còn tình cảm, không còn có sự gắn kết. Quan hệ hôn nhân giữa chị Viên và anh V, mục đích hôn nhân không đạt được, không tồn tại gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị Hoàng Thị V, xử cho chị Viên được ly hôn với anh Hoàng Văn V. Giấy đăng ký kết hôn mà UBND xã T cấp cho anh V chị Viên không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung: Theo ý kiến trình bày của chị Viên và ý kiến xác minh từ ông Hoàng Văn Quang, bố đẻ của anh V và các tài liệu chứng cứ khác đều đủ cơ sở xác định, chị Viên và anh V có 01 con chung, cháu Hoàng Ngọc Bảo C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018; từ khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với gia đình anh V, bố mẹ đẻ anh V nuôi dưỡng, chăm sóc hộ do anh V đi làm công nhân ở xa, thỉnh thoảng mới về, cháu Bảo C môi trường sống ổn định, được đi học đầy đủ; chị Viên cũng trình bày do có con riêng trước khi lấy anh V, chị Viên đang phải nuôi con riêng, chị đi làm công nhân thu nhập không cao, chị đề nghị sau khi ly hôn tiếp tục để anh V nuôi dưỡng con chung của chị và anh V là cháu Hoàng Ngọc Bảo C; do kinh tế khó khăn chị không cấp dưỡng nuôi con; ông Hoàng Văn Quang trình bày, gia đình ông có báo cho anh V việc chị Viên xin ly hôn, anh V có nguyện vọng muốn được nuôi con sau ly hôn; cháu Bảo C hiện nay vẫn do vợ chồng ông nuôi dưỡng hộ anh V, bố con anh V vẫn ở chung nhà với gia đình ông, anh V hiện nay chỉ là đi làm ăn tạo lập kinh tế. Nên cần chấp nhận đề nghị của chị Viên, giao cháu Hoàng Ngọc Bảo C, là con chung của chị Viên anh V cho anh V nuôi dưỡng, chăm sóc, trông nom, giáo dục; do anh V chưa yêu cầu nên chị Viên không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh V có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Các đương sự có quyền khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn nếu có thay đổi về quan điểm.

[3] Về tài sản, đất đai, công nợ chung: Chị Hoàng Thị V xác định vợ chồng không có tài sản, đất đai chung; không có vay nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về việc vắng mặt của anh Hoàng Văn V: Trong quá trình giải quyết vụ án anh V vắng mặt không có lý do, Tòa án nhân dân huyện H đã tiến hành xác minh nơi cư trú và các mối quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung, quan hệ tài sản, đất đai, vay nợ chung của chị Viên và anh V, cũng như đã tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng đảm bảo đúng với các quy định của pháp luật. Việc anh V vắng mặt là do có nguyên nhân về điều kiện cá nhân; kết quả xác minh đã thể hiện anh V vẫn cư trú tại địa phương và có đăng ký hộ khẩu tại thôn Loa, xã T, huyện H, ở cùng nhà với gia đình ông Hoàng Văn Quang. Các thủ tục tổng đạt và xác minh của Tòa án đã thực hiện đầy đủ và đúng với các quy định của pháp luật về việc giải quyết vụ án trong trường hợp một bên đương sự vắng mặt; anh V cũng biết đầy đủ nội dung chị Viên làm đơn đề nghị giải quyết ly hôn tại Tòa án.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật; anh Hoàng Văn V không phải nộp án phí.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 147, 228, 235, 238, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Hoàng Thị V được ly hôn với anh Hoàng Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 02/2018 ngày 04 tháng 01 năm 2018 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Tuyên Quang cấp cho chị Hoàng Thị V và anh Hoàng Văn V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc Bảo C, sinh ngày 11 tháng 10 năm 2018, cho anh Hoàng Văn V nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Hoàng Thị V không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do anh V chưa yêu cầu) và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung; yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Hoàng Thị V phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Viên đã nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số AA/2021/0004595 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Tuyên Quang.

Anh Hoàng Văn V không phải nộp án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Đức Hiếu - Đàm Thị Kim Duyên

Lương Thanh Huyền

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thanh Huyền

